

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 3 - 2021
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt
2. Bà Đặng Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 7, ấp Bình Hòa 1, xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 7, ấp Bình Hòa 1, xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nhi và ông Dũng quen biết do mai mối nhưng có thời gian tìm hiểu, có tổ chức đám cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên vào ngày 18/4/2017, đây là hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông Dũng thường xuyên uống rượu về có những lời lẽ xúc phạm bà Nhi; vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nhi yêu cầu ly hôn với ông Dũng.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Công Danh, sinh ngày 03/9/2014 và Trần Bảo Ngọc, sinh ngày: 14/11/2015. Tại đơn ly hôn ngày 06/01/2021, bà Nhi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Dũng cấp dưỡng; tại biên bản hòa giải ngày 22/02/2021, bà Nhi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Danh, giao cháu Ngọc cho ông Dũng nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại buổi hòa giải ngày 01/3/2021, bà Nhi yêu cầu giao 02 con chung cho ông Dũng trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn D tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dũng thống nhất lời trình bày của bà Nhi về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông bà vẫn rất hạnh phúc, đôi khi mâu thuẫn chỉ là những chuyện nhỏ trong gia đình, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Do đó, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nhi vì vẫn còn thương vợ và muốn các con có một gia đình hạnh phúc, có đầy đủ cả cha mẹ.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Công Danh, sinh ngày 03/9/2014 và Trần Bảo Ngọc, sinh ngày: 14/11/2015. Hiện 02 cháu đang sống với ông Danh, trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nhi thì ông Dũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu bà Nhi cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phan Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dũng, vì cả hai có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn; Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo Ngọc, giao cháu Trần Công Danh cho ông Dũng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cả hai không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa

thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn D không đồng ý ly hôn với bà Nhi và yêu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau lo cho hai con. Về con chung: Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nhi thì ông Dũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà Nhi cấp dưỡng. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phan Thị N và ông Trần Văn D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Trần Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung tranh chấp:

[3] Về hôn nhân: Bà Nhi và ông Dũng quen biết nhau do mai mối nhưng tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà Nhi cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông Dũng thường xuyên uống rượu về có những lời lẽ xúc phạm bà Nhi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Riêng, ông Dũng cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ xuất phát từ trong sinh hoạt gia đình nhưng không trầm trọng đến mức ly hôn, ông Dũng xin được hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà Nhi, cùng nhau chăm sóc cho con cái.

Xem xét ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho cuộc hôn nhân hạnh phúc. Hôn nhân giữa bà Nhi và ông Dũng mặc dù qua mai mối nhưng có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mặc dù Tòa án đã động viên hòa giải

đoàn tụ nhiều lần nhưng bà Nhi vẫn cương quyết ly hôn, đồng thời ông Dũng cũng không đưa ra bất kỳ giải pháp hay phương thức nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, cả bà Nhi và ông Dũng đều thừa nhận quá trình sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay, điều này cho thấy vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, mỗi người chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ, người chồng muốn sống ra sao thì sống; ngoài ra, mỗi khi ông Dũng đi nhậu về có những lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng bà Nhi. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của bà Nhi, ông Dũng không thể hàn gắn được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu đoàn tụ thì cuộc sống hôn nhân cũng không hạnh phúc. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà Nhi yêu cầu xin ly hôn đối với ông Dũng.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Trần Công Danh, sinh ngày 03/9/2014 và Trần Bảo Ngọc, sinh ngày: 14/11/2015. Hiện 02 cháu đang sống với ông Danh, sau khi ly hôn bà Nhi yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Ngọc, giao cháu Danh cho ông Dũng; ông Danh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu.

Xét thấy, trong thời gian bà Nhi và ông Dũng sống ly thân thì hai cháu Danh và Ngọc đều do ông Dũng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu vẫn phát triển tốt về mọi mặt, đồng thời, cháu Danh cũng có nguyện vọng được sống cùng ông Dũng; tại phiên tòa bà Nhi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Ngọc, giao cháu Danh cho ông Dũng chăm sóc nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông Dũng không đủ điều kiện cũng như không hoàn thành nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Cháu Danh và Ngọc do ông Dũng trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt và môi trường học tập. Để tránh sự xáo trộn về tâm lý cũng như thay đổi điều kiện môi trường sống đột ngột và đảm bảo cuộc sống ổn định cho hai cháu, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà Nhi, giao cháu Trần Công Danh, sinh ngày 03/9/2014 và Trần Bảo Ngọc, sinh ngày: 14/11/2015 cho ông Dũng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nhi không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà Nhi thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của ông Dũng không yêu cầu bà Nhi cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Trần Công Danh, sinh ngày 03/9/2014 và Trần Bảo Ngọc, sinh ngày: 14/11/2015.

[6] Về tài sản chung: bà Nhi và ông Dũng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà Nhi và ông Dũng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N.

[1] Về hôn nhân: Bà Phan Thị N được ly hôn với ông Trần Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho bà Phan Thị N và ông Trần Văn D, ngày 18/4/2017 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Công Danh, sinh ngày 03/9/2014 và Trần Bảo Ngọc, sinh ngày: 14/11/2015 cho ông Trần Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Nhi không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà Nhi thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về cấp dưỡng: không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: bà Nhi và ông Dũng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà Nhi và ông Dũng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009263 ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Nhi đã nộp đủ tiền án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Nhi, ông Dũng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TP Long Xuyên;
- VKS TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã Mỹ Khánh;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung

